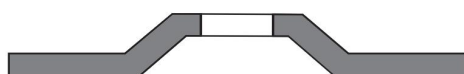


Loại đá



Đá mài

Đá mài tâm trung



Đường kính: 100mm~230mm
Độ dày: 6.0mm~7.2mm



Đá mài mềm



Đường kính: 100mm~230mm
Độ dày: 2.0mm~4.0mm



*ALWAYS USE BACK-UP PAD



Đá cắt

Đá cắt mỏng (phẳng)



Đường kính: 100mm~230mm
Độ dày: 0.8mm~2.0mm



Đá cắt mỏng (tâm trung)



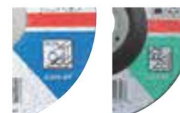
Đường kính: 100mm~230mm
Độ dày: 0.8mm~2.0mm



Đá cắt (phẳng)



Đường kính: 100mm~230mm
Độ dày: 2.0mm~3.0mm



Đá cắt (tâm trung)



Đường kính: 100mm~230mm
Độ dày: 3.0mm



Đá cắt cho máy cắt sắt

Đường kính: 305mm~405mm
Độ dày: 2.4mm~3.0mm



Đá nhám

Hạn sử dụng

Mã số phụ kiện

Kích thước

Tốc độ hoạt động tối đa

Tiêu chuẩn



Biểu tượng sử dụng an toàn

Thông số

Ứng dụng

Mã màu

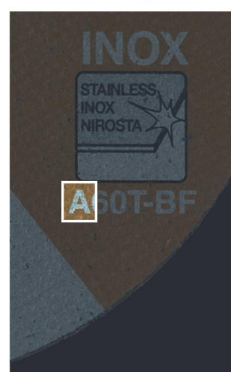
Màu xanh: kim loại

Màu vàng đồng: INOX

Màu xanh: tường gạch

Màu bạc: nhôm

CÁCH ĐỌC THÔNG SỐ



Nhóm nhôm oxit (chủ yếu kim loại & INOX)

Nhôm nâu:

A

Các vật liệu mài mòn phổ biến nhất cho kim loại.

Nhôm oxit trắng :

WA

Vật liệu mài mòn có độ tinh khiết cao, loại bỏ các yếu tố ngoại lai khỏi A. Hiệu suất mài và cắt cao hơn A.

Ceramic :



Cực kỳ sắc nét và khả năng chống sốc / nhiệt / mài mòn cao. Vật liệu mài mòn cao cấp với hiệu suất mài tuyệt vời và độ bền.

Nhôm oxit đơn:

SA

Vật liệu mài mòn đơn tinh thể với độ bền cao. Độ bền và hiệu suất mài / cắt cao hơn A.

Nhôm oxit Zirconium :

Z

Vật liệu mài mòn cực kỳ sắc nét và cứng. Độ bền cao hơn và hiệu suất mài / cắt hơn SA.

Nhóm oxit silic (chủ yếu cho phi kim loại)

Cacbua silic đen:

C

Các vật liệu mài mòn phổ biến nhất cho phi kim loại.

Cacbua silic xanh:

GC

Độ tinh khiết cao hơn C, loại bỏ các yếu tố bên ngoài, do đó có hiệu suất mài và cắt cao hơn C, nhưng độ bền thấp hơn một chút so với C.



Cỡ hạt

24

36

60

80

120

Thô

Mịn



Đá mài cứng

Gần A là đá cắt/mài mềm hơn
Gần Z là đá cắt/mài cứng hơn

Đá mài mềm ➤ vật liệu cứng

Đá mài cứng ➤ vật liệu mềm

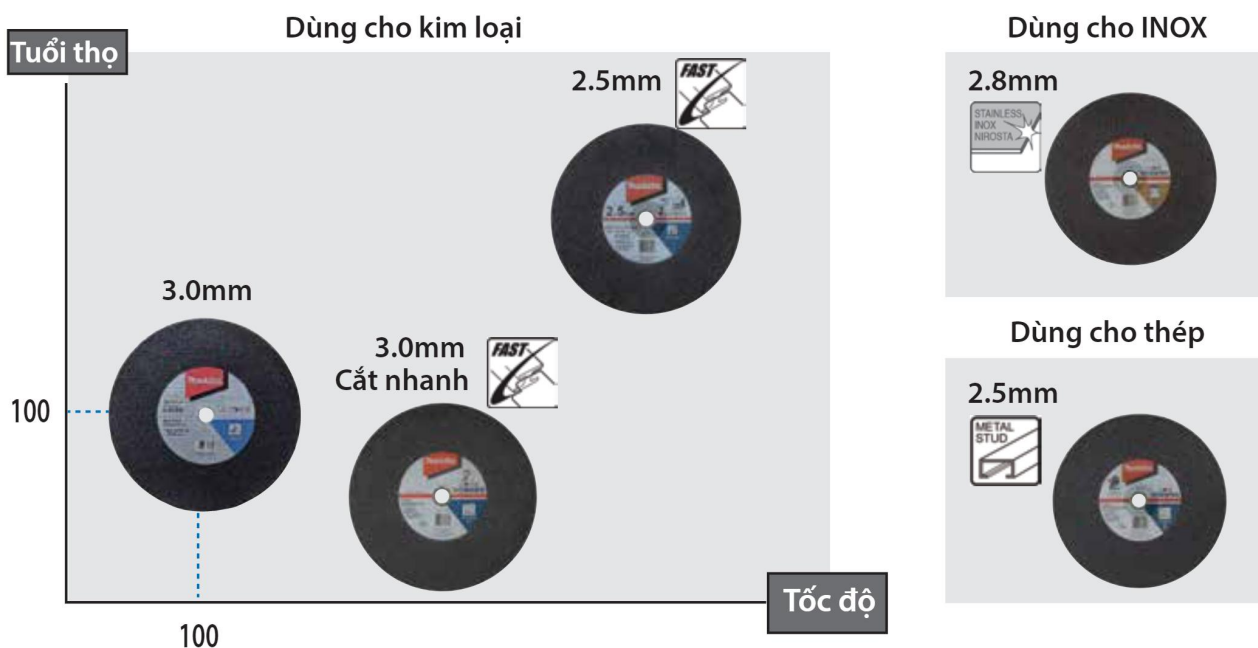
Rất mềm	Mềm	Vừa	Cứng	Rất cứng
A - G	H - K	L - O	P - S	T - Z

Liên kết

BF : Tăng cường liên kết các hạt
V : Liên kết sợi thủy tinh



Seri đá cắt dành cho máy cắt sắt



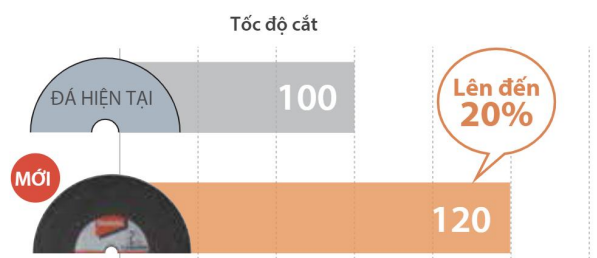
Đá cắt loại cắt nhanh

Đá mài/ đá cắt



Đặc điểm

1. Cắt nhanh



* Kết quả thử nghiệm phụ thuộc rất nhiều vào độ dày của vật liệu,....

* Số trong biểu đồ là giá trị tương đối khi khả năng của đá cắt hiện tại ở mức 100.

2. Cắt mịn

Đá cắt nhẹ hơn mang lại cảm giác cắt thoải mái hơn. Giảm tải khi cắt.



3. Hạn chế ba vớ và nhiệt



Đá hiện tại

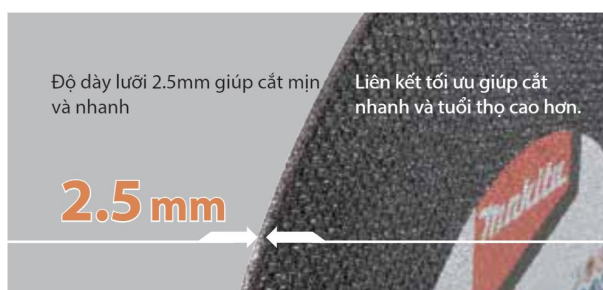
MỚI

Đá cắt dùng cho thép

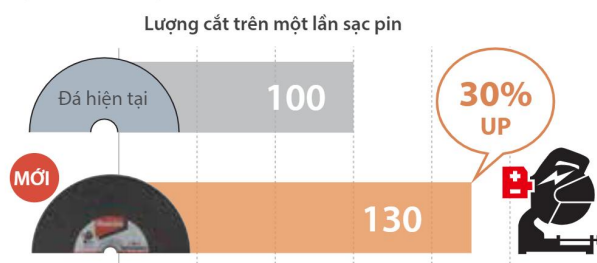


Đặc điểm

1. Lưỡi mỏng hơn và liên kết tối ưu



2. Lý tưởng cho máy dùng pin



* Kết quả thử nghiệm phụ thuộc rất nhiều vào độ dày của vật liệu,....

* Số trong biểu đồ là giá trị tương đối khi khả năng của đá cắt hiện tại ở mức 100.

Đá cắt dùng cho INOX



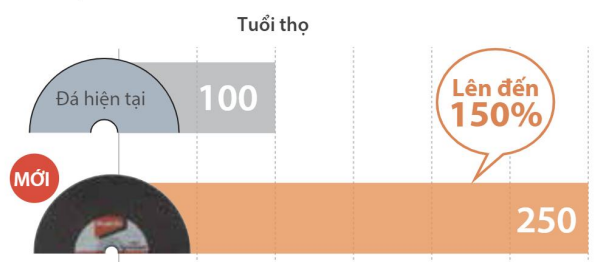
Đá mài/ đá cắt

Đặc điểm

1. Lưỡi mỏng hơn và liên kết tối ưu



2. Tuổi thọ cao



* Kết quả thử nghiệm phụ thuộc rất nhiều vào độ dày của vật liệu,....

* Số trong biểu đồ là giá trị tương đối khi khả năng của đá cắt hiện tại ở mức 100.

XLOCK



Đá mài/kim loại

Kích thước (mm)	Hạt	Cái/hộp	Mã số
100 x 6 x 22.23	A36P	1	E-00480(EN)
125 x 6 x 22.23	A36P	1	E-00393(EN)

Đá mài/inox

100 x 6 x 22.23	WA36N	1	E-00496(EN)
125 x 6 x 22.23	WA36N	1	E-00402(EN)

Đá cắt mỏng (phẳng)

100 x 1.2 x 22.23	A60T	1	E-00505(EN)
125 x 1.2 x 22.23	A60T	1	E-00418(EN)

Đá mài/ thép



★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	A24R	A-87719
100 x 6 x 16	1	A36P	A-80911
115 x 6 x 22.23	1	A36P	741458-1 (Số lượng có hạn)
125 x 6 x 22.23	1	A36P	A-80933
150 x 6 x 22.23	1	A36P	A-84981
180 x 6 x 22.23	1	A24P	741425-6
180 x 6 x 22.23	1	A36P	741426-4
180 x 6 x 22.23	1	A36P	A-80949
230 x 6 x 22.23	1	A24P	741421-4
230 x 6 x 22.23	1	A36P	741422-2

★★

100 x 6 x 16	1	A24R	D-18443
100 x 6 x 16	1	A24P-BF	D-65090
125 x 6 x 22.23	1	A24R	D-18465
150 x 6 x 22.23	1	A24R	D-26163
180 x 6 x 22.23	1	A24R	D-18471
180 x 6 x 22.23	1	A24P	D-65931(EN)
180 x 6 x 22.23	1	A24P-BF	D-41545 (Số lượng có hạn)
230 x 6 x 22.23	1	A24R	D-18487

★

100 x 6 x 16	1	A-A24R	D-41523
--------------	---	--------	---------

Đá mài/ inox



★★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
125 x 7 x 22.23	1	A24P	B-66927(EN)

★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	WA36N	A-80852
125 x 6 x 22.23	1	WA36N	A-80874 (Số lượng có hạn)
125 x 6 x 22.23	1	WA36O	A-80656
180 x 6 x 22.23	1	WA36O	A-80880(EN)



★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	C24R	D-18493
115 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18502 (Số lượng có hạn)
125 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18518(EN)
150 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18524
180 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18530(EN)
230 x 6 x 22.23	1	C24R	D-18546(EN)

Đá mài cho công nghiệp nặng



Vật liệu: kim loại/ inox

★★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
125 x 7.2 x 22.23	1	A24S	B-56384
125 x 7.2 x 22.23	1	AZ24N	B-56390



Vật liệu: inox

★★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 6 x 16	1	A24R	B-21107
125 x 6 x 22.23	1	A24R	B-21129
180 x 6 x 22.23	1	A24R	B-21135
230 x 6 x 22.23	1	A24R	B-21141



Phụ kiện

Đá mài mềm



Luôn sử dụng tấm đỡ

Vật liệu: thép

★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 2 x 16	5	60	794229-5
100 x 2 x 16	1	AC46	B-18203
100 x 2 x 16	1	AC60	A-85139
100 x 2 x 16	1	AC80	B-18219
100 x 2 x 16	1	AC120	B-18225
100 x 3 x 16	1	AC36	B-18231
100 x 3 x 16	1	AC46	B-18247
100 x 3 x 16	1	AC60	B-18253
100 x 3 x 16	1	AC80	B-18269
125 x 3 x 22.23	1	AC46	B-18328
125 x 3 x 22.23	1	AC80	B-18340
180 x 3 x 22.23	1	AC60	A-88490



Luôn sử dụng tấm đỡ

Vật liệu inox và thép

★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 2 x 16	1	WA46	B-18421
100 x 2 x 16	1	WA60	B-18437
100 x 2 x 16	1	WA80	B-18443
100 x 2 x 16	1	WA120	B-18459
100 x 3 x 16	1	WA36	B-18465
100 x 3 x 16	1	WA46	B-18471
100 x 3 x 16	1	WA60	B-18487
100 x 3 x 16	1	WA80	B-18493
125 x 3 x 22.23	1	WA46	B-18552
125 x 3 x 22.23	1	WA80	B-18574



Luôn sử dụng tấm đỡ

★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100 x 3 x 16	1	GC60P	B-51356
100 x 3 x 16	1	GC80P	B-51362
100 x 3 x 16	1	GC120P	B-51378

Tấm đỡ



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Mã số
Cho 100mm	1	B-20476
Cho 115/125mm	1	B-20482

Đá cắt mỏng

A: Phẳng

B: Tâm trũng

Vật liệu inox



★★★★



Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 1.0 x 16	1	A60T	A	B-12201
115 x 1.0 x 22.23	1	A60T	A	B-12217
125 x 1.0 x 22.23	1	A60T	A	B-12239
150 x 1.6 x 22.23	1	A60T	A	B-12251
180 x 1.6 x 22.23	1	A60T	A	B-12267
230 x 1.9 x 22.23	1	A60T	A	B-12273



★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 1.0 x 16	1	WA60T	A	D-18758
100 x 1.0 x 16	1	WA46R-BF	A	D-65947
100 x 1.0 x 16	12 (Can)	WA46R-BF	A	D-65947-12
100 x 1.2 x 16	1	WA60T	B	D-18801
125 x 1.2 x 22.23	1	WA60T	A	D-18770
125 x 1.2 x 22.23	1	WA46R-BF	A	D-65969
125 x 1.6 x 22.23	1	WA46S	B	D-18823
150 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-29424
180 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-18786
180 x 2 x 22.23	1	WA36R	B	D-18839
180 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-65975
230 x 2 x 22.23	1	WA36R	A	D-18792
230 x 2 x 22.23	1	WA36R	B	D-18845(EN)

★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
105 x 1.0 x 16	1	WA46R	A	D-60997 (Số lượng có hạn)

Đá cắt mỏng lý tưởng cho máy mài góc dùng pin



★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 0.8 x 16	1	Z60T	A	B-45711

Đá cắt

A: Phẳng

B: Tầm trũng



Vật liệu: thép

★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 2.0 x 16	1	A46	A	A-85123
125 x 2.5 x 22.23	1	A30R	A	A-85313
150 x 3 x 22.23	1	A30T	B	B-05050
180 x 2.5 x 22.23	1	A30R	A	A-85329
180 x 3 x 22.23	1	A30T	B	A-83618(EN)

★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 2.5 x 16	1	A30S	A	D-18655
100 x 3 x 16	1	A30S	B	D-18552
125 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-18677
125 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-18574
150 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-29402
150 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-29418(EN)
180 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-18683
180 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-18580
230 x 2.5 x 22.23	1	A30S	A	D-18699
230 x 3 x 22.23	1	A30S	B	D-18596



Vật liệu: gạch

★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
180 x 3 x 22.23	1	C30T	B	A-85276(EN)
230 x 3 x 22.23	1	C30T	B	A-85282(EN)

★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Loại	Mã số
100 x 3 x 16	1	C30S	A	D-18708
100 x 3 x 16	1	C30S	B	D-18605
125 x 3 x 22.23	1	C30S	A	D-18720
125 x 3 x 22.23	1	C30S		D-18627(EN)
180 x 3 x 22.23	1	C30S	B	D-18633
180 x 3 x 22.23	1	C30S	A	D-18736(EN)
230 x 3 x 22.23	1	C30S	A	D-18742(EN)
230 x 3 x 22.23	1	C30S	B	D-18649(EN)

**Đá mài 2 trong 1**

Cần phải có nắp chụp bảo vệ thích hợp



Vật liệu: thép

★★★★

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100x3.2x16	1	A36T	B-21222

**Đá mài 2 trong 1**

Dùng để cắt và mài

1. Tốc độ cắt tăng 10% so với đá mài 2 trong 1 hiện tại*.
2. Số lượng cắt trong 1 lần sạc tăng 80% so với đá mài 2 trong 1 hiện tại*.



★★★★

Vật liệu: thép & inox

Kích thước (mm)	Cái/hộp	Hạt	Mã số
100x2.2x16	1	SA46P	B-51649

**Đá cắt cho máy cắt sắt**

Vật liệu: thép

★★★★

Kích thước (mm)	Hạt	Số lượng G.F	Cái/hộp	Mã số
355x2.5x25.4	A36P	2.0G	5	B-49448-5

★★★★

305x2.8x25.4	A36P	1.0G	5	A-01345
305x2.8x25.4	A36P	1.0G	25	A-05038
305x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-87650-25
355x2.4x25.4	A30Q	1.0G	25	B-20769-25
355x3x25.4	A30P	1.0G	5	B-64353-5
355x3x25.4	A36P	1.0G	5	A-01351
355x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-05044
355x3x25.4	A36P	1.0G	5	A-89545-5
355x3x25.4	A36P	1.0G	5	B-10730-5
355x3x25.4	A30R	2.0G	25	B-20753-25
355x3x25.4	A36P	1.0G	25	B-10730-25
405x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-05050
405x3x25.4	A36P	1.0G	25	A-87694-25

★★

355x3x25.4	A36P	-	5	D-62088-5
------------	------	---	---	-----------



★★★★

355x2.8x25.4	A30P	2.0G	5	B-64565-5
--------------	------	------	---	-----------



Phụ kiện

Đá cắt cho máy cắt sắt dùng pin



Kích thước (mm)	Hạt	Số lượng G.F	Cái/hộp	Mã số
355x2.5x25.4	A36P	1.0G	5	B-64696-5

Đá cắt bê tông cho máy cắt góc #4112HS

Cắt các vật liệu xây dựng, bê tông, đá
A: được tăng cường với 3 lớp sợi thủy tinh
B: được tăng cường với 2 lớp sợi thủy tinh



Ứng dụng	Kích thước (mm)	Cái/hộp	Loại	Mã số
Thép	305x3.2x25.4	5	A	792301-7
Gạch	305x3.5x25.4	25	B	A-89735

Đá mài cho máy mài 2 đá



Kích thước (mm)	Hạt	Mã số
150 x 16 x 12.7	A36M	B-51904
150 x 16 x 12.7	A60M	B-51910
150 x 16 x 12.7	GC120	B-51932
150 x 6.4 x 12.7	A60M	A-47195
205 x 19 x 15.88	A36	B-51948
205 x 19 x 15.88	WA60K	B-51960(EN)
205 x 19 x 15.88	GC120	B-51976

Đá mài cho máy mài thẳng



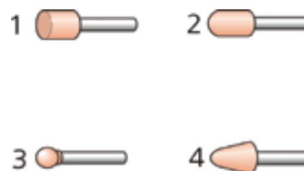
Kích thước (mm)	Hạt	Mã số
125 x 19 x 12.7	24P	741015-5
125 x 19 x 12.7	36P	741016-3

Đá mài khuôn

Ứng dụng:

A: Thép mềm, thép cac-bon....

WA: Thép cứng và thép đặc biệt



Mã số	Cái/hộp	Đường kính (mm)	Đường kính chuôi (mm)	Loại	Mã số
-------	---------	-----------------	-----------------------	------	-------

Dùng cho máy: 903, 906, GD0800C, GD0810C, GD0600, DGD800, DGD801

1	10	5	3	A	794050-2
1	10	6	3	A	794051-0 (Số lượng có hạn)
1	10	8	3	A	794052-8
1	10	10	3	A	794053-6
2	10	5	3	WA	794054-4
2	10	6	3	WA	794055-2
2	10	10	3	WA	794057-8
3	10	10	3	A	794059-4

Dùng cho máy:

906, GD0800C, GD0810C, GD0600, BGD800, BGD801

1	1	19	6	WA	741614-3
1	1	19	1/4"	WA	741617-7
4	1	19	6	WA	741615-1
4	1	19	1/4"	WA	741616-9

Mũi dùi kim loại



Cắt và ứng dụng

Cắt thô
<Đặc điểm> Hiệu quả cao
<Bề mặt> Thô
<Vật liệu> Kim loại, inox



Cắt mịn

<Đặc điểm> Ít rung
<Bề mặt> Mịn
<Vật liệu> Kim loại, inox



Cắt kim loại màu

<Đặc điểm> Hiệu quả cao
<Bề mặt> Thô
<Vật liệu> Kim loại màu, nhựa



Hình dạng và ứng dụng

Hình dạng : A



Hình dạng : C



Hình dạng : F



Hình dạng : L



Hình dạng : M



Làm sạch gờ trên inox



Làm nhẵn nhôm



Làm sạch đường hàn giữa các tấm thép



Mũi dùi kim loại

Ứng dụng

Thép, gang, inox, Ni-co...

Dùng cho máy:
GD0600, GD0601, GD0602, GD0800, GD0800C, GD0801C



Hình dạng đầu	Loại cắt	Cái/hộp	Kích thước (mm)	Mã số
C	Cắt kim cương	10	10x20x6mm	B-52750-10
F	Cắt kim cương	10	10x20x6mm	B-52788-10
M	Cắt kim cương	10	10x20x6mm	B-52847-10

Lưỡi cắt kim cương



Kích thước (mm)	Hạt	Mã số
80	325M	792443-7
80	325N	792731-2

Đá mài



Kích thước (mm)	Mã số
100X16X10mm	A-24642 (Số lượng có hạn) A-24636